

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 29 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	251	5,020,000
Được chi trong ngày					5,020,000
Đã chi trong ngày					5,020,000
1. Dịch vụ					376,500
1	chất đốt		1,500	251	376,500
2			0	72	0
2. Kho					997,100
 Ăn chính					997,100
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	25.1	389,050
2	Đường kính	Kg	32,500	1.5	48,750
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.59	43,660
4	Lạc hạt	Kg	80,000	4.1	328,000
5	Bột canh	Gói	4,000	3	12,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.42	26,040
7	Dầu simply	Lít	68,000	2.2	149,600
3. Đi chợ					3,646,400
 Ăn chính					3,646,400
1	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	1	25,000
2	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000
3	Rau dền	Kg	20,000	4	80,000
4	Rau mồng tơi	Kg	20,000	3.8	76,000
5	Thịt gà ta	Kg	130,000	3	390,000
6	Tôm biển	Kg	170,000	2	340,000
7	Lá chanh	Kg	1,000	1.4	1,400
8	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
9	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	8.9	1,157,000
10	Bầu xanh	Kg	20,000	14	280,000
11	Sữa chua	Ổng	5,000	251	1,255,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

